

Số: /BC-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022 đối với xã Phước Quang, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định**

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Kế hoạch các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 6273/QĐ-UBND ngày 17/9/2022 UBND huyện Tuy Phước về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Tuy Phước, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ đề nghị của UBND xã Phước Quang tại Tờ trình số 222/TTr-UBND ngày 07/11/2022 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Phước Quang, UBND huyện Tuy Phước báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2022 đối với xã Phước Quang, cụ thể như sau:

#### **I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra (từ ngày 15/12/2022 đến 05/01/2023)

##### **1. Về hồ sơ**

Hồ sơ của xã Phước Quang bao gồm:

- Tờ trình của UBND xã về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Phước Quang đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022;
- Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã;
- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã;
- Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao;
- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã;
- Hình ảnh về kết quả xây dựng nông thôn mới.

## **2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao**

Thực hiện Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh; Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Bình Định; Quyết định số 6273/QĐ-UBND ngày 17/9/2022 của UBND huyện Tuy Phước; UBND xã Phước Quang đã ban hành Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 15/3/2022 và số 28/KH-UBND ngày 18/7/2022 về việc Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng Nông thôn mới nâng cao xã Phước Quang năm 2022 đã được sự đồng tình hưởng ứng cao của nhân dân, tạo thành khí thế hưởng ứng thi đua của các thôn trên địa bàn nhằm phát động sâu rộng đến các ngành, các cấp, toàn thể cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân hưởng ứng tham gia xây dựng nông thôn mới.

**3. Xã Phước Quang:** đã được UBND tỉnh Bình Định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2018 tại Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 26/02/2019.

## **4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí về xã nông thôn mới trong năm 2022 đối với xã Phước Quang**

Căn cứ kết quả rà soát, thẩm tra của các ngành của huyện: trong năm 2022 xã Phước Quang đã đạt 19/19 tiêu chí về xã nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định được UBND tỉnh Bình Định ban hành tại Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022 .

*(Cụ thể kết quả đánh giá 19 tiêu chí về xã nông thôn mới có phụ lục kèm theo)*

## **5. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trong năm 2022 đối với xã Phước Quang**

### **5.1. Tiêu chí 1 - Quy hoạch:**

#### ***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

- Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn và thường xuyên rà soát điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch;
- Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch;
- Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

#### ***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn và thường xuyên rà soát điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch *(tại Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày*

04/02/2013 và các Quyết định số 7804/QĐ-UBND ngày 10/12/2020, 2614/QĐ-UBND ngày 21/6/2022, 5943/QĐ-UBND ngày 26/8/2022).

- Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

- Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã (tại Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 20/6/2018) và các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

**c. Đánh giá Tiêu chí 1 - Quy hoạch: Đạt theo yêu cầu.**

**5.2. Tiêu chí 2 - Giao thông:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện (chỉ tiêu 100%);

- Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện (chỉ tiêu 100%);

- Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện (chỉ tiêu 100%, trong đó, 70% được cứng hóa bằng bê tông xi măng hoặc nhựa hóa);

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện ( chỉ tiêu  $\geq 70\%$  được cứng hóa bằng bê tông xi măng hoặc nhựa hóa).

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Đường xã: 100% (2,07 km/2,07 km) được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện (trong đó, mặt đường được nhựa hóa 1,25 km và bê tông hóa 0,82 km).

- Đường thôn và đường liên thôn: 100% (19,727 km/19,727 km) được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện.

- Đường ngõ, xóm: 100% (27,958 km /27,958 km) sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện (trong đó, 76,56% được cứng hóa bằng bê tông).

- Đường trục chính nội đồng: 91,51% (8,492 km/9,28 km) đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện, được cứng hóa bằng bê tông xi măng.

**c. Đánh giá Tiêu chí 2 - Giao thông: Đạt theo yêu cầu.**

**5.3. Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng, chống thiên tai:**

**a. Yêu cầu của tiêu chí:**

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	$\geq 90\%$
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	$\geq 5\%$

	3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt
	3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt
	3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động: Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Phước Quang là: 733,6 ha, trong đó: diện tích được tưới và tiêu nước chủ động là 733,6 ha, đạt 100% (Đạt).

*Bảng xác định diện tích đất sản xuất NN của xã được tưới, tiêu chủ động:*

TT	Cây trồng	Diện tích gieo trồng cần được bảo đảm tưới, tiêu theo kế hoạch (ha)	Diện tích gieo trồng thực tế được tưới, tiêu chủ động (ha)
<b>1</b>	<b>Cây hàng năm</b>	<b>694,6</b>	<b>694,6</b>
	Lúa đông xuân	650	650
	Lúa hè thu	650	650
	Rau, màu	44,6	44,6
<b>2</b>	<b>Cây lâu năm</b>	<b>39</b>	<b>39</b>
	Cây ăn quả	24	24
	Cây công nghiệp	15	15
	<b>Tổng cộng</b>	<b>733,6</b>	<b>733,6</b>
	$T_{\text{tưới}} (\%)$	$(S1/S)*100$	

**\* Đánh giá: Chỉ tiêu 3.1: (Đạt)**

3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững:

a) Xã Phước Quang có 01 HTX Nông nghiệp Phước Quang đã thành lập Tổ chức thủy lợi cơ sở đảm bảo về pháp lý, năng lực theo quy định của Luật Thủy lợi, như:

- HTX được thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã (có giấy đăng ký thành lập HTX); tổ hợp tác được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ hợp tác (có hợp đồng hợp tác và gửi thông báo tới UBND cấp xã nơi thành lập).

- HTX Nông nghiệp Phước Quang có điều lệ hoặc quy chế hoạt động dịch vụ thủy lợi được trên 50% số thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở thông qua và UBND cấp xã xác nhận.

- Toàn bộ người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi là thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở.

- Tổ chức bộ máy, người vận hành của tổ chức thủy lợi cơ sở đảm bảo đáp ứng năng lực theo quy định.

b) Có số điểm đánh giá hoạt động hiệu quả, bền vững đạt **95 điểm**, thông qua các chỉ tiêu sau:

- Chỉ tiêu 1: Thực hiện kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước: (30 điểm)
- Chỉ tiêu 2: Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi: (25 điểm)
- Chỉ tiêu 3: Quản lý tài chính: (20 điểm)
- Chỉ tiêu 4: Thực hiện đa dịch vụ: (10 điểm)
- Chỉ tiêu 5: Mức độ hài lòng của thành viên: (10 điểm)

*Bảng điểm số các chỉ tiêu đánh giá hoạt động hiệu quả, bền vững của tổ chức thủy lợi cơ sở (TLCS): của HTX NN Phước Quang, như sau:*

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Điểm tối đa	Xác định điểm số
1	Thực hiện kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước	30	30
1.1	Lập kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước	10	a) Đối với tổ chức TLCS quản lý công trình thủy lợi nội đồng trong công trình thủy lợi do các tổ chức khai thác thủy lợi cấp huyện, cấp tỉnh quản lý: - Có lập kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước theo mùa, vụ hoặc theo năm; ký Hợp đồng với tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; thông báo lịch cấp, tưới, tiêu và thoát nước cho người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi: 5 điểm. b) Đối với tổ chức TLCS quản lý công trình thủy lợi nhỏ độc lập: - Có lập kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước, thông báo lịch cấp, tưới, tiêu, thoát nước cho người sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi: 5 điểm.
1.2	Tỉ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu chủ động (T)	20	$T \geq 90\%$ : 20 điểm.
2	Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi	30	25
2.1	Lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi	5	- Có lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa công trình hàng năm: 5 điểm.
2.2	Thực hiện kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi	20	- Xã thực hiện kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi trên địa bàn: Đạt từ 70% theo kế hoạch: 15 điểm.
2.3	Lập và thực hiện phương án bảo vệ công trình	5	- Có lập và thực hiện phương án bảo vệ công trình; không để xảy ra vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: 5 điểm.
3	Quản lý tài chính	20	20
3.1	Lập kế hoạch tài chính	5	- Có lập kế hoạch tài chính, trong đó có kế hoạch thu-chi hàng năm cho dịch vụ thủy lợi thông qua hội nghị thường niên: 5 điểm.

3.2	Thực hiện kế hoạch tài chính đối với dịch vụ thủy lợi	10	Khả năng chủ động tài chính (TC) đối với dịch vụ thủy lợi được xác định như sau: - Nguồn thu của tổ chức TLCS bao gồm: kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của nhà nước. - Chi phí theo kế hoạch bao gồm chi trả tiền sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định, chi các hoạt động quản lý, vận hành, bảo dưỡng, xây dựng, sửa chữa công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng. TC $\geq$ 1: 10 điểm.
3.3	Thực hiện quyết toán, công khai tài chính theo quy định	5	- Có thực hiện: 5 điểm.
4	Thực hiện đa dịch vụ	10	10
4.1	Phát triển các sản phẩm dịch vụ khác	7	- Có thực hiện các sản phẩm dịch vụ khác như: Cấp nước nông thôn, điện... hoặc tham gia chuỗi cung ứng sản phẩm, dịch vụ: 7 điểm.
4.2	Ứng dụng khoa học công nghệ trong xây dựng, quản lý công trình thủy lợi	3	- Có ứng dụng một trong các công nghệ trong xây dựng; biện pháp canh tác tiên tiến, tiết kiệm nước; sử dụng một số thiết bị thông minh để theo dõi, giám sát hoặc điều khiển vận hành công trình thủy lợi...: 3 điểm.
5	Mức độ hài lòng của thành viên	10	Có (Phiếu đánh giá mức độ hài lòng của thành viên: 10 điểm.
<b>Tổng cộng</b>		<b>100</b>	<b>95</b>

**\* Đánh giá: Chỉ tiêu 3.2: (Đạt)**

3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước  $\geq$ 5%:

UBND xã Phước Quang: Cây trồng chủ lực là cây lúa, tổng diện tích lúa là 694,6 ha, trong đó: xã có 126ha tưới từ nguồn nước thuộc công trình trạm bơm điện, với hình thức tưới tiết kiệm nước (nông- phơi xen kẽ) 126ha/694,6 ha đạt tỷ lệ: 18,1%  $\geq$ 5% theo yêu cầu.

**\* Đánh giá: Chỉ tiêu 3.3: (Đạt)**

3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm (Đạt):

Xã Phước Quang: Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm: Tổng số kênh mương đã được kiên cố hóa là 26,43/45,66km đạt 58,00%. Hiện nay đang triển khai thi công KCHKM thêm 2,66km. Hàng năm các công trình thủy lợi đều được bảo trì theo kế hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 3040/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND xã Phước Quang về việc phê duyệt Kế hoạch kế hoạch bảo trì, sửa chữa công trình thủy lợi trên địa bàn xã Phước Quang năm 2022 đáp ứng nhu cầu tưới tiêu trên địa bàn xã.

**\* Đánh giá: Chỉ tiêu 3.4: (Đạt)**

3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi (Đạt).

Xã Phước Quang: Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi: Các công trình thủy lợi trên địa bàn xã do HTX NN Phước Quang quản lý. HTX NN đã thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn xã theo chỉ đạo của UBND xã tại văn bản số 52/UBND-TL ngày 16/5/2022. Không có trường hợp vi phạm xả thải vào công trình thủy lợi.

**\* Đánh giá: Chỉ tiêu 3.5: (Đạt)**

3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ (Đạt).

**\* Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực:**

- **Về tổ chức bộ máy:** Hàng năm: Xã có thành lập Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn & Phòng thủ dân sự cấp xã và đã được kiện toàn thường xuyên, liên tục theo quy định, cụ thể trong năm 2022 đã được kiện toàn tại Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 26/9/2022; đồng thời phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, trong đó có công chức cấp xã được phân công theo dõi lĩnh vực PCTT và làm thường trực của Ban chỉ huy PCTT-TKCN & PTDS cấp xã.

**- Về nguồn nhân lực:**

+ Hàng năm xã đều cử 100% cán bộ cấp xã tham gia trực tiếp công tác Phòng, chống thiên tai được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ.

+ Hàng năm xã đã thành lập, củng cố và duy trì hoạt động thường xuyên của đội xung kích phòng, chống thiên tai theo quy định tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 27/9/2022.

+ Hàng năm xã đã cử Đội xung kích tham dự tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ do Ban Chỉ huy Quân sự huyện tổ chức.

+ Hàng năm xã thường xuyên tổ chức các buổi tuyên truyền cho người dân trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai.

**\* Về hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh:**

- **Về Kế hoạch phòng, chống thiên tai:** Trong năm 2021 UBND xã đã ký ban hành Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 về việc Ban hành Kế hoạch Phòng, chống giảm nhẹ thiên tai giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã và được rà soát, cập nhật, bổ sung hàng năm theo quy định; đồng thời xã đã rà soát, xác định vùng có nguy cơ cao về rủi ro theo các loại hình thiên tai.

- **Về Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai:** UBND xã ban hành Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 12/9/2022 về việc Ban hành Phương án Phòng, chống giảm nhẹ thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn năm 2022, trong đó: Có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn được xây dựng cụ thể, chi tiết và phê duyệt phù hợp với quy định, tình hình đặc điểm thiên tai ở địa phương.

**- Về thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng, chống thiên tai được phê duyệt:**

+ Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã có phương án sẵn sàng huy động từ 70% trở lên số lượng của từng loại vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai theo kế hoạch được duyệt.

+ Trên địa bàn xã có 100% số tổ chức trong vùng thường xuyên bị thiên tai chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ theo kế hoạch được duyệt.

+ Trên địa bàn xã có 80% trở lên số hộ gia đình trong vùng thường xuyên bị thiên tai chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ theo kế hoạch được duyệt.

**\* Về cơ sở hạ tầng thiết yếu:**

- Về Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng:

+ Xã đã triển khai thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các Quy hoạch: sử dụng đất; phát triển dân sinh - kinh tế - xã hội - môi trường; di dời dân cư mới hoặc chỉnh trang các khu dân cư hiện có, đảm bảo phù hợp với loại hình thiên tai thường xuyên và các quy hoạch phòng chống lũ, đê điều.

+ Trên địa bàn xã 100% số cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai đã được ban hành hoặc được lồng ghép nội dung an toàn trước thiên tai.

- Về Thông tin, cảnh báo và ứng phó thiên tai:

+ Trên địa bàn xã có hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% số hộ gia đình được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ.

+ Trên địa bàn xã 100% số điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được lắp đặt hệ thống hướng dẫn, cảnh báo.

- Về thực thi pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai: trên địa bàn xã không có xảy ra các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai.

*(Cụ thể có biểu đánh giá, chấm điểm chi tiết gửi kèm theo).*

Biểu đánh giá, chấm điểm (về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ) của Xã Phước Quang.

TT	Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá	Yêu cầu	Thang tính điểm	
				Có	Điểm đánh giá
<b>Tổng điểm</b>				<b>100</b>	<b>95</b>
I	Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực			35	35
1	Tổ chức bộ máy	a) Có Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp xã được thành lập (có Quyết định).	Có	3	3
		b) Được kiện toàn thường xuyên, liên tục theo quy định (có Quyết định)		2	2
		c) Có công chức cấp xã được phân công theo dõi lĩnh vực PCTT và làm thường trực của Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã (có Quyết định).	Có	2	2
		d) Có phân công cụ thể trách nhiệm của từng bộ phận và các thành viên Ban chỉ huy phù hợp với điều kiện của từng địa phương (có Quyết định phân công).		3	3
2	Nguồn nhân lực	a) Có 100% số cán bộ cấp xã tham gia trực tiếp công tác Phòng, chống thiên tai được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ (có văn bản cử cán bộ tham gia).		7	7



		b) Thành lập, củng cố và duy trì hoạt động thường xuyên của đội xung kích phòng, chống thiên tai theo quy định (Quyết định, kế hoạch hoạt động).	Có	4	4
		c) Đội xung kích được tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ hàng năm (có văn bản cử cán bộ tham gia).		7	4
		d) Có từ 70% trở lên số người dân trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai.		7	7
II	Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh			40	40
1	Kế hoạch phòng, chống thiên tai	a) Có Kế hoạch Phòng, chống thiên tai cấp xã được phê duyệt.	Có	5	5
		b) Được rà soát, cập nhật, bổ sung hàng năm theo quy định.		3	3
		c) Có xác định vùng có nguy cơ cao về rủi ro theo các loại hình thiên tai.	Có	5	5
2	Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai	Có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn được xây dựng cụ thể, chi tiết và phê duyệt phù hợp với quy định, tình hình đặc điểm thiên tai ở địa phương.	Có	6	6
3	Thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng, chống thiên tai được phê duyệt	a) Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã có phương án sẵn sàng huy động từ 70% trở lên số lượng của từng loại vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai theo kế hoạch được duyệt.		7	7
		b) Có 100% số tổ chức trong vùng thường xuyên bị thiên tai chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ theo kế hoạch được duyệt.		7	7
		c) Có 70% trở lên số hộ gia đình trong vùng thường xuyên bị thiên tai chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ theo kế hoạch được duyệt.		7	7
III	Về cơ sở hạ tầng thiết yếu			25	20
1	Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng	a) Thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các Quy hoạch: sử dụng đất; phát triển dân sinh - kinh tế - xã hội - môi trường; di dân cư mới hoặc chỉnh trang các khu dân cư hiện có, đảm bảo phù hợp với loại hình thiên tai thường xuyên và các quy hoạch phòng chống lũ, đê điều (nếu có)		3	3
		b) 100% số cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai đã được ban hành hoặc được lồng ghép nội dung an toàn trước thiên tai.		3	3
2	Thông tin, cảnh báo và ứng phó thiên tai	a) Có hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% số hộ gia đình được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ.		7	7
		b) 100% số điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được lắp đặt hệ thống hướng dẫn, cảnh báo.	Có	7	7
3	Thực thi pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên	Tất cả các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai được kiểm tra, phát hiện và xử lý; không để phát sinh những vụ vi phạm mới hoặc phải kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn kịp thời.		5	0

	tai				
--	-----	--	--	--	--

**\* Đánh giá: Chỉ tiêu 3.6: (Đạt)**

**c. Đánh giá Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng, chống thiên tai: Đạt theo yêu cầu.**

**5.4. Tiêu chí 4 - Điện:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Hệ thống điện đạt chuẩn;
- Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn (chỉ tiêu 100%).

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Có hệ thống điện đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.
- 100% hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.

**c. Đánh giá Tiêu chí 4 - Điện: Đạt theo yêu cầu.**

**5.5. Tiêu chí 5 - Giáo dục:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2: (chỉ tiêu 100%).
- Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: (chỉ tiêu Đạt).
- Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS: (chỉ tiêu đạt mức độ 3).
- Đạt chuẩn xóa mù chữ (chỉ tiêu đạt mức độ 2).
- Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại: (chỉ tiêu Khá).
- Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền: (chỉ tiêu Đạt).

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2: Địa bàn xã Phước Quang có 04 đơn vị trường là Trường Mầm non Phước Quang, TH số 1 Phước Quang, TH số 2 Phước Quang, THCS Phước Quang, trong đó Trường Mầm non Phước Quang, Trường TH số 1 Phước Quang, Trường TH số 2 Phước Quang đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1 và Trường THCS Phước Quang đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 2. Đánh giá **Đạt tỷ lệ 100%**.

- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: **Đạt chuẩn** (Theo Quyết định số 7560/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND huyện Tuy Phước).

- Công tác duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS: Đạt **Mức độ 3** (Theo Quyết định số 7560/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND huyện Tuy Phước).

- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2: Đạt **Mức độ 2** (Theo Quyết định số 7560/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND huyện Tuy Phước).

- Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại: Hiện nay đoàn kiểm tra của huyện đang kiểm tra, kết quả sơ bộ đạt loại **Khá**, đang trình UBND huyện ra quyết định.

- Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền: Các đơn vị trường phổ thông đều có hoạt động rèn luyện thể chất lồng ghép trong các tiết dạy của nhà trường; địa phương đầu tư xây dựng Nhà đa năng và trang bị để học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền tại Trường THCS Phước Quang, khu sân tập thể dục thể thao có mái che cho 02 đơn vị trường Tiểu học, mở câu lạc bộ võ thuật tại địa phương.

**c. Đánh giá Tiêu chí 5 - Giáo dục: Đạt theo yêu cầu.**

### **5.6. Tiêu chí 6 - Văn hóa:**

#### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên: chỉ tiêu Đạt.

- Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định: chỉ tiêu Đạt.

- Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới: chỉ tiêu Đạt.

#### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

\* Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

Đối với Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã: Đã kiện toàn Ban quản lý Trung tâm VH-TT xã và điều chỉnh quy chế hoạt động của Trung tâm đảm bảo theo quy định (Đang chờ cấp trên thẩm định phê duyệt). UBND xã có trung tâm VH-TT xã bao gồm Nhà văn hóa đa năng (kết hợp làm trung tâm học tập cộng đồng xã) và các phòng chức năng (như: phòng hành chính; đọc sách, báo, thư viện; thông tin truyền thanh; câu lạc bộ; phòng tập các môn thể thao đơn giản), có các công trình phụ trợ: Nhà xe, khu vệ sinh. Có sân vận động, sân bóng chuyên, sân cầu lông, xà đơn, xà kép. Hội trường văn hóa được bố trí trên 250 chỗ ngồi, có wifi miễn phí, trang thiết bị đầy đủ như bàn, ghế, trang bị âm thanh, ánh sáng, Tivi, màn hình Led.

Đối với Nhà văn hóa - Khu thể thao 11 thôn: Tất cả 11 nhà văn hóa thôn đều có sức chứa trên 100 chỗ ngồi và được trang bị đảm bảo đầy đủ các thiết bị và vật dụng cần thiết phục vụ hội họp và nhân dân sinh hoạt cộng đồng như: Âm ly, loa, micro, tivi; đầy đủ khánh tiết, bộ trang trí: Cờ Tổ quốc, cờ Đảng, tượng Bác Hồ, phong màn, cờ trang trí...; bàn, ghế, tủ sách, bảng tin, công trình vệ sinh. 11/11 thôn đều bố trí sân chơi thể thao đơn giản để phục vụ nhu cầu thể dục thể thao cho nhân dân (đặc biệt là thanh thiếu niên) như sân bóng chuyên hoặc bóng đá. Có Ban quản lý và quy chế hoạt động của 11 Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn. 11/11 thôn đều có hương ước được UBND huyện công nhận và thực hiện niêm yết tại các Nhà văn hóa. Riêng 03 Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn (Định Thiện Tây, Văn Quang, Lương Quang) đã được phê duyệt và tiến hành đầu tư xây dựng. Địa phương đang tiếp tục đầu tư xây dựng tường rào cổng ngõ và nâng cấp các

Khu TDTT cho các thôn như: An Hòa, Tân Điền, Quảng Điền...

Địa phương đã bố trí và lắp các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời, dụng cụ vui chơi trẻ em tại 02 điểm công cộng (cụ thể: tại công viên UBND xã và điểm công cộng tại thôn Định Thiện Tây) nhằm đảm bảo cho mọi lứa tuổi vui chơi, giải trí và tập luyện thể dục thể thao (trong đó có trẻ em, người cao tuổi). Ngoài ra, địa phương đang xây dựng thêm 01 công viên và bố trí lắp đặt các dụng cụ tập luyện TDTT ngoài trời và các dụng cụ vui chơi cho trẻ em, mọi lứa tuổi tại địa điểm công cộng thôn An Hòa.

Về các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức các hoạt động thường xuyên: Năm 2022 đã tổ chức các môn thi đấu thể thao tại xã như: Bóng chuyền nam, nữ, cờ vua, cờ tướng, việt dã, tổ chức thành công Đại hội TDTT xã lần thứ VI năm 2022. Duy trì việc sinh hoạt thường xuyên các câu lạc bộ như: CLB du ng sinh, Câu lạc bộ dân ca Bài chòi (của Hội Phụ nữ xã); Câu lạc Bộ bóng đá, CLB Võ thuật, Câu lạc Bộ bóng chuyền nam (của Đoàn TN xã). Tổ chức các buổi gặp mặt; các buổi văn nghệ như nhân kỷ niệm ngày 08/3, 26/3,...; tổ chức Đêm hội trăng rằm cho các em thiếu nhi nhân dịp tết trung thu, văn nghệ nhân kỷ niệm 75 năm ngày TBLN, ngày phụ nữ Việt Nam 20/10; các buổi văn nghệ tuyên truyền, cổ động nhân dân chung sức, quyết tâm trong việc xây dựng nông thôn mới nâng cao 2022...

Đối với hoạt động thư viện; quy định: có hoạt động phục vụ tài liệu thông tin cho nhân dân tối thiểu đạt 3.000 lượt/năm. Có bố trí nhân sự phụ trách hoạt động tại thư viện; bổ sung đầu sách, báo hàng năm, trang bị cơ sở vật chất phù hợp phục vụ bạn đọc (Phòng, bàn ghế, giá sách, tủ sách, máy tính kết nối Internet): Có bố trí nhân sự phụ trách hoạt động tại thư viện; bổ sung đầu sách, báo hàng năm, trang bị cơ sở vật chất phù hợp phục vụ bạn đọc (Phòng, bàn ghế, giá sách, tủ sách, máy tính kết nối Internet). Thu hút đông đảo các lượt người dân, học sinh đến tìm thông tin, tham khảo tài liệu.

*\* Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định*

Các di tích trên địa bàn luôn được địa phương và các ban ngành cấp trên (huyện, tỉnh) quan tâm như trong việc chỉ đạo công tác bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng theo quy định.

Trên địa bàn có 02 di tích vật thể cấp tỉnh (gồm: Di tích lịch sử chùa Bà và nơi phôi thai chữ quốc ngữ) và 01 di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia: Lễ hội truyền thống – Lễ hội Chùa Bà – Cảng thị Nước mặn được Bộ VH-TT-DL công nhận tại Quyết định số 1839/QĐ-BVHTTDL ngày 04/8/2022.

*\* Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới*

Đối với Thôn văn hóa

Qua kết quả sơ bộ trong công tác chấm điểm và phúc tra của UBND xã thì 11/11 thôn tiếp tục đạt và giữ vững thôn văn hóa; trong đó: có 04 thôn đạt thôn văn hóa 05 năm liền (2018-2022) và 01 thôn Luật Bình được bảo lưu thôn văn hóa 5 năm liền. Hiện nay, địa phương đã hoàn thành các hồ sơ, thủ tục trình UBND huyện thẩm định, phê duyệt kết quả.

Đối với Gia đình văn hóa

Năm 2022, có 3.590 hộ đạt danh hiệu GĐVH/ 3.713 hộ đăng ký với tỷ lệ: 96,69%. Trong đó, có: 536 hộ đạt gia đình văn hóa tiêu biểu 03 năm liền được tặng giấy khen.

**c. Đánh giá Tiêu chí 6 - Văn hóa: Đạt theo yêu cầu.**

**5.7. Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:** Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm: chỉ tiêu Đạt.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Trên địa bàn xã có chợ Văn Quang nằm trong Quy hoạch phát triển hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 tại Quyết định số 09/2005/QĐ-UBND ngày 10/01/2005.

**c. Đánh giá: Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Đạt theo yêu cầu.**

**5.8. Tiêu chí 8 – Thông tin và truyền thông:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân: chỉ tiêu Đạt.

- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh: chỉ tiêu Đạt  $\geq 80\%$ .

- Có dịch vụ báo chí truyền thông: chỉ tiêu Đạt.

- Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới: chỉ tiêu Đạt.

- Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...): chỉ tiêu Đạt.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Điểm phục vụ bưu chính trên địa bàn xã (Bưu điện xã) đã đạt tiêu chí về Bưu điện năm 2013 và nâng cao chất lượng và đã đáp ứng các điều kiện để xã đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2018, cụ thể: Có diện tích 319 m<sup>2</sup>, trang thiết bị phù hợp với tình hình tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương; Có biển tên điểm phục vụ, bản niên yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại địa điểm phục vụ, có thùng thư công cộng và được lắp đặt ở vị trí thuận tiện, dễ tiếp cận và đảm bảo an toàn cho người gửi. Bưu chính là điểm giao dịch của doanh nghiệp bưu chính để chấp nhận, phát thư, gói và kiện hàng hóa; Dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02kg; Dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05kg. Bên cạnh đó, Bưu điện xã có nhân viên và được trang bị đầy đủ máy tính kết nối mạng đang thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 như cấp cấp đổi giấy phép lái xe (xe máy - mô tô) và các thủ tục khác.

- UBND xã đã ban hành Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 về việc thành lập tổ thu thập thông tin, hướng dẫn cài đặt số khám chữa bệnh điện tử (VSSID) trên địa bàn xã. Qua thu thập và tổng hợp tỷ lệ người dân theo độ tuổi lao động trên địa bàn xã sử dụng điện thoại thông minh đạt **81,88%** (cụ thể: 7.794/9.519).

- Có dịch vụ báo chí truyền thông, cụ thể: 100% thôn của xã có hệ thống loa hoạt động thường xuyên: Địa phương đã lắp đặt 11/11 thôn với tổng số loa là 100 chiếc. Tất

cả hệ thống loa hoạt động thường xuyên, liên tục; 100% số thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet: Ngày 30.6.2019 tỉnh Bình Định chuyển sang phát sóng truyền hình số mặt đất DVB-T2; có hộ gia đình xem truyền hình qua mạng Internet, truyền hình cáp....Nên 100% số thôn trên địa bàn xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet. Có điểm cung cấp xuất bản phẩm của địa phương được bố trí tại Bru điện xã và đang cung cấp các dịch vụ báo, tạp chí cho người dân có nhu cầu. Hiện tại, Bru điện đáp ứng đầy đủ các điều kiện để cùng địa phương đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới, cụ thể: Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt: 27,36% (1.007 hồ sơ giải quyết trực tuyến/3.680 tổng số hồ sơ thủ tục hành chính của xã); 100% cán bộ, công chức của xã được cấp trên tập huấn kiến thức dịch vụ công trực tuyến, sử dụng hệ thống ký điện tử (idesk), tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin; Hiện tại tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động có sử dụng điện thoại thông minh, thường xuyên truy cập, cập nhật kiến thức sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản. Qua thu thập và tổng hợp tỷ lệ người dân theo độ tuổi lao động trên địa bàn xã sử dụng điện thoại thông minh đạt **81,88%** (cụ thể: 7.794 /9.519); 100% sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử: Có sản phẩm Yên sào Bảo Khánh đã được UBND tỉnh công nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh hạng 3 sao; 100% hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn thẻ địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ. Thực hiện Kế hoạch số 66/KH-UBND tỉnh Bình Định ngày 04/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc triển khai nền tảng địa chỉ số Quốc gia với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Bình Định, Bru điện huyện đã triển khai thực hiện được 3.654/3.740 đạt tỷ lệ 97,7%.

- Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...): Tại UBND xã, Trung tâm học tập cộng đồng xã đã được lắp đặt mạng Wifi miễn phí. Kinh phí đã thực hiện: 150 triệu đồng.

**c. Đánh giá: Tiêu chí 8 – Thông tin và truyền thông: Đạt theo yêu cầu.**

#### **5.9. Tiêu chí 9 – Nhà ở dân cư:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:** Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố  $\geq 85\%$ .

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:** Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố trên địa bàn xã đạt 99,69%, có 3.691 nhà/3.740 nhà.

**c. Đánh giá: Tiêu chí 9 – Nhà ở dân cư: Đạt theo yêu cầu.**

#### **5.10. Tiêu chí 10 – Thu nhập:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:** Thu nhập bình quân đầu người năm 2022:  $\geq 52$  (triệu đồng/người)

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí: Năm 2022**

- Tổng thu nhập của xã đạt: 662.675,37 triệu đồng.

- Số nhân khẩu thực tế thường trú của xã: 12.550 người.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2022: 52,80 triệu đồng/người/năm.

- **Kết luận:** Mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

**c. Đánh giá: Tiêu chí 10 – Thu nhập: Đạt theo yêu cầu.**

**5.11. Tiêu chí 11 – Nghèo đa chiều:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (theo công bố của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội. (<3%).

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao về tiêu chí “Nghèo đa chiều” là xã có tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 theo kết quả rà soát định kỳ hằng năm dưới mức chỉ tiêu theo vùng, cụ thể là **dưới 3%**.

Qua kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2022 (*đã được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 8574/QĐ-UBND ngày 09/12/2022*), kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo của xã Phước Quang 2,51%.

**c. Đánh giá: Tiêu chí 11 – Nghèo đa chiều: Đạt theo yêu cầu.**

**5.12. Tiêu chí 12 – Lao động:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 80\%$ .
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 30\%$ .
- Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành nghề kinh tế chủ lực trên địa bàn  $\geq 19\%$ .

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Qua kết quả điều tra, khảo sát số lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của xã Phước Quang:

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) 82,1%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) 31,14 %.
- Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành nghề kinh tế chủ lực trên địa bàn 22,4%.

**c. Đánh giá: Tiêu chí 12 – Lao động: Đạt theo yêu cầu.**

**5.13. Tiêu chí 13 – Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định  $\geq 1$ .
- Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn  $\geq 1$ .
- Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm  $\geq 1$ .
- Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã: Khuyến khích.
- Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử  $\geq 10\%$ .
- Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng: Khuyến khích.

- Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội: chỉ tiêu Đạt.

- Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường): chỉ tiêu Đạt.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định  $\geq 1$ .

Xã Phước Quang có 01 HTX NN hoạt động theo Luật HTX năm 2012. HTX có dịch vụ đầu vào là buôn bán vật tư nông nghiệp và liên kết sản xuất giống tiêu thụ sản phẩm cho thành viên với công ty giống thái Bình và công ty giống Thành Lợi. HTX kinh doanh các dịch vụ như: Dịch vụ Thủy lợi, Vật tư nông nghiệp, liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa giống, Điện, xăng dầu. HTX được đánh giá, xếp loại đạt loại tốt (theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã).

Có quy mô thành viên đủ lớn: HTX đã thực hiện chuyển đổi hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012: Không quy định số lượng thành viên.

Có ký kết, thực hiện hợp đồng tiêu thụ cho tối thiểu 30% tổng sản lượng sản phẩm, dịch vụ chính của hợp tác xã trong 3 năm liền trước năm xét công nhận HTX có liên kết sản xuất cánh đồng lớn – liên kết tiêu thụ sản phẩm với công ty giống thái Bình và công ty giống thành Lợi.

- Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn  $\geq 1$ . Xã có sản phẩm OCOP yến sào Bảo Khánh ở thôn Lộc Ngãi – Hiện nay sản phẩm được Hội đồng đánh giá xếp hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh đánh giá xếp hạng sản phẩm đạt OCOP cấp tỉnh hạng 03 sao, đang chờ UBND tỉnh ban hành quyết định công nhận.

- Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm  $\geq 1$ .

HTX NN Phước Quang xây dựng kế hoạch liên kết sản xuất lúa trên cánh đồng lớn và áp dụng công nghệ SRI.

- Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã: Khuyến khích.

- Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử  $\geq 10\%$ .

Trên địa bàn xã có 02 sản phẩm chủ lực là bánh tráng gạo Mười Loan và rổ tre Sáu Châu được bán qua kênh thương mại điện tử Postmart.vn, đạt 100%.

- Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng: Khuyến khích

- UBND xã triển khai quảng bá hình ảnh khu di tích lịch sử chùa Bà và nơi phôi thai chữ Quốc ngữ qua mạng xã hội. Cụ thể qua trang Facebook của Đoàn xã.

- Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường). Thực hiện Quyết định số 4467/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Dự án Cánh đồng lớn sản xuất lúa tại xã Phước Quang với quy mô 120ha có 382 hộ tham gia, năng suất bình quân 78 tạ, sản lượng 936 tấn. Được thu mua thóc giống có năm trên 600 tấn, lợi nhuận đem lại cho tham gia sản xuất khá cao. Giá thóc công ty mua cao hơn giá thóc thường từ 1.500-1.700



đồng/kg. Áp dụng khoa học kỹ thuật 3 giảm, 3 tăng; kỹ thuật 4 đúng: đúng thuốc, đúng cách, đúng lúc, đúng liều lượng.

**c. Đánh giá: 13 – Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn: Đạt theo yêu cầu.**

#### **5.14. Tiêu chí 14 – Y tế:**

##### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn xã (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) được đảm bảo  $\geq 95\%$ .
- Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 90\%$ .
- Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 40\%$ .
- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử  $\geq 70\%$ .

##### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Người dân tham gia Bảo hiểm y tế trên địa bàn xã là 12.069/12.610 đạt tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế 95,71%.
- Thực hiện hiệu quả công tác dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) kể cả quản lý tiêm vắc xin Covid - 19 và tiêm chủng mở rộng. Dân số được quản lý sức khỏe toàn xã là 12.610/12.610, đạt tỷ lệ 100%.
- Người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa toàn xã là 5.123/12.610, đạt tỷ lệ 40,62%.
- Người dân có sổ khám chữa bệnh điện tử trên địa bàn xã là 10.469/ 12.610, đạt tỷ lệ 83,02%.

**c. Đánh giá: Tiêu chí 14 – Y tế: Đạt theo yêu cầu.**

#### **5.15. Tiêu chí 15 – Hành chính công:**

##### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính: Chỉ tiêu đạt.
- Có dịch vụ công trực tuyến một phần (mức độ 3) trở lên: Chỉ tiêu đạt.
- Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp: Chỉ tiêu đạt.

##### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Có bố trí máy scan tại Bộ phận Một cửa để thực hiện dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính; 100% công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa cấp xã được bố trí máy vi tính để thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; 100% công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa cấp xã được cấp chữ ký số cá nhân. Cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính đạt tối thiểu 5%/Tổng số hồ sơ chứng thực. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính định kỳ trên Hệ thống báo cáo của Văn phòng Chính phủ.

- Tỷ lệ thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần (mức độ 3) và dịch vụ công trực tuyến toàn trình (mức độ 4) có phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt từ 50% trở lên trên tổng số thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến có phát sinh hồ

sơ đạt 83,33% (15/18 hồ sơ). Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết trực tuyến một phần và giải quyết trực tuyến toàn trình đạt từ 50% trở lên trên tổng số hồ sơ thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến đạt 75,83% (1026/1353 hồ sơ). Tỷ lệ thanh toán trực tuyến các thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên trên tổng số giao dịch thanh toán đạt 58,19% (1052/1808 hồ sơ).

- Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính tỷ lệ 100%.

Có 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ tỷ lệ 100%.

Đã tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đáp ứng mục tiêu số hóa đối với cấp xã được giao tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030 đạt tỷ lệ >90% (527).

Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là không đúng hoặc vu cáo.

Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên đạt 100%.

Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ đạt 100%.

**c. Đánh giá: Tiêu chí 15 – Hành chính công: Đạt theo yêu cầu.**

#### **5.16. Tiêu chí 16 – Tiếp cận pháp luật:**

##### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận: Chỉ tiêu  $\geq 1$ .

- Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành: Chỉ tiêu  $\geq 90\%$ .

- Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu: Chỉ tiêu  $\geq 90\%$ .

##### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận: Chỉ tiêu  $\geq 1$ .

*Về mô hình điển hình về PBGDPL hoạt động hiệu quả:* UBND xã đã xây dựng mô hình về PBGDPL hoạt động hiệu quả tại địa phương. Căn cứ kết quả chấm điểm xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021 của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật huyện, Tiêu chí 3 “Phổ biến, giáo dục pháp luật” theo Quyết định số 619/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 07/2017/TT-BTP của bộ Tư pháp đạt số điểm tối đa 25/25 điểm. UBND xã có bố trí nhân lực, kinh phí, các điều kiện khác bảo đảm cho hoạt động của mô hình lồng ghép với kinh phí chung cấp cho công tác PBGDPL cho năm 2022 là 30 triệu đồng. Có văn bản khuyến khích nhân rộng của Hội đồng phối hợp PBGDPL huyện năm 2022.

*Về mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả:* UBND xã đã xây dựng 1 mô hình về hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả tại địa phương, 100% tổ hòa giải của xã được hỗ trợ kinh phí triển khai hoạt động của tổ hòa giải và thù lao hòa giải viên đúng theo quy định tại Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND tỉnh Bình Định. UBND xã có xây dựng chương trình phối hợp với Tòa án nhân dân huyện, Hội Luật gia huyện, lực lượng an ninh, tổ chức, cá nhân có hiểu biết pháp luật tham gia tập huấn, bồi dưỡng, hỗ trợ khác cho công tác hòa giải cơ sở. Có văn bản khuyến khích nhân rộng của Hội đồng phối hợp PBGDPL huyện năm 2022.

- Từ ngày 01/01/2022 đến hết tháng 12/2022: Các Tổ hòa giải cơ sở đã hòa giải thành 9/9 vụ, tỷ lệ 100%.

- UBND xã đã phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh trong công tác trợ giúp pháp lý cho các đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu. Kết quả, tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý/Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý đạt tỷ lệ hơn 97%.

**c. Đánh giá: Tiêu chí 16 – Tiếp cận pháp luật: Đạt theo yêu cầu.**

**5.17. Tiêu chí 17 – Môi trường:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường: Chỉ tiêu đạt.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: Tỷ lệ đạt 100%.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn xã được thu gom và xử lý theo quy định: Tỷ lệ đạt  $\geq 85\%$ .

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp và hiệu quả: Tỷ lệ đạt  $\geq 40\%$ .

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn: Tỷ lệ đạt  $\geq 50\%$ .

- Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tỷ lệ đạt 100%.

- Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường: Tỷ lệ đạt  $\geq 80\%$ .

- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: Tỷ lệ đạt  $\geq 90\%$ .

- Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy định: Chỉ tiêu đạt.

- Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng: Tỷ lệ  $\geq 5\%$ .

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: Tỷ lệ đạt  $\geq 4m^2/người$ .

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: Tỷ lệ đạt  $\geq 70\%$

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

- Xã không có hộ nuôi trồng thủy sản; không có làng nghề. Trên địa bàn xã hiện có 51 hộ sản xuất kinh doanh trong đó: Có 08 cơ sở kinh doanh thuộc diện phải có hồ sơ môi trường đã được các cơ quan thẩm quyền cấp phép và 44 hộ kinh doanh quy mô hộ gia đình không thuộc diện phải lập hồ sơ môi trường. Các cơ sở này đều đạt tiêu chuẩn môi trường không phát sinh mùi hôi, không gây ồn ào, nước thải, rác thải được thu gom, không có khiếu kiện, khiếu nại về môi trường và có ký cam kết kinh doanh không gây ô nhiễm môi trường.

- Tổng số hộ trên địa bàn xã là 3.740 hộ. Qua rà soát số hộ trên địa bàn thu phí rác thải sinh hoạt xã tự đánh giá đạt theo quy định với số hộ 3.135/3.637 hộ đạt tỷ lệ 86,2%. Trong đó có 103 hộ vắng mặt địa phương trên tổng số 3.740 hộ chiếm tỷ lệ 2,75% và có 2 hoặc 3 hộ ở chung trong một nhà với số lượng là 399 hộ/3.637 hộ tỷ lệ 11,85%.

- Nước thải sinh hoạt được hộ gia đình thu gom qua hệ thống hầm rút, bể tự hoại. 2.907/3.740 đạt 77,73 %.

- Tổng số hộ dân tham gia thực hiện phân loại chất thải tại nguồn có 2.080 hộ/3.637 hộ tham gia đạt 57,2%.

- Đối với rác thải y tế: Trạm y tế được thu gom theo Trung tâm y tế huyện xử lý theo quy định; Đối với chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; Đối với vỏ bao bì, chai lọ thuốc BVTV đã qua sử dụng. UBND xã hợp đồng với công ty Hậu Sanh thu gom tại kho chứa. Hiện nay trên địa bàn xã đã xây dựng 01 kho lưu chứa và 170 bể chứa được thu gom định kỳ sau mỗi vụ thu hoạch, vận chuyển và xử lý bởi công ty Hậu Sanh (đạt 100%).

- Đối với rác thải nông nghiệp: Đối với rơm rạ sau thu hoạch được thu gom bằng máy cuộn rơm và phục vụ cho các hoạt động sản xuất khác như: Trồng nấm, sản xuất thức ăn chăn nuôi, trồng rau... Chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu thân thiện môi trường đạt ( $\geq 80\%$ ).

- Trên địa bàn xã có 650/3.740 hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm. Có 583/650 hộ chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt tỷ lệ **90%** (123 hộ số hộ chăn nuôi có hầm biogas, các hộ còn lại (460 hộ) sử dụng chế phẩm sinh học (men sinh học trộn vào thức ăn, nước uống; Chăn nuôi trên nền đệm lót sinh học (chủ yếu ở gà)) để giảm khí độc, giảm ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, hộ còn thu gom chất thải (phân thải của gia cầm) để bán cho các đơn vị thu mua tái sử dụng làm phân bón cho cây trồng, tránh tình trạng đổ thải bừa bãi ra môi trường. Các hộ có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi; có bản kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 54 của Luật Chăn nuôi và Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Chuồng trại được thiết kế thông thoáng, trồng cây xanh xung quanh chuồng nuôi, có rèm che xung quanh để những ngày nắng nóng hoặc giảm lạnh vào mùa đông. Mái chuồng được lợp mái ngói, tôn, mái hiên cách mặt đất 2m. Nền chuồng: Có độ dốc 1-2% để tránh đọng nước. Chuồng nuôi tách biệt với nơi ở của chủ hộ chăn nuôi và được vệ sinh, định kỳ khử trùng tiêu độc.

- UBND xã đã ban hành quy chế quản lý và sử dụng nghĩa trang áp dụng trên địa bàn xã. (Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 04/01/2022).

- UBND xã xây dựng Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 12/9/2022 Kế hoạch tuyên truyền nhân dân thực hiện hình thức hỏa táng trong tổ chức việc tang trên địa bàn xã. Tính đến thời điểm 15/9/2022 tổng số người chết trên địa bàn xã 50 người, trong đó có 4 trường hợp sử dụng hình thức hỏa táng, tỷ lệ 8,0%.

- Xã Phước Quang đã thực hiện trồng cây xanh công cộng tại các điểm như: Trụ sở UBND xã, trụ sở các thôn, khuôn viên các trường học mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trạm y tế, các trục đường giao thông liên thôn, liên xã, liên huyện, các khu dân cư tập trung đảm bảo mỹ quan, xanh – sạch – đẹp. Thực hiện Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 16/4/2021 của UBND huyện Tuy Phước, triển khai thực hiện Chương trình Trồng mới cây xanh phân tán giai đoạn 2021 -2025, hàng năm UBND xã đều lập kế hoạch trồng cây xanh phân tán theo Chương trình trồng một tỷ cây xanh. Kết quả qua 2 năm, ngoài kinh phí địa phương, huyện đã hỗ trợ cho xã Phước Quang 1.000 cây xanh các loại để trồng phân tán tại các điểm công cộng. Riêng tại các điểm trường trên địa bàn xã do Phòng Giáo dục –Đào tạo chỉ đạo tổ chức trồng từ nguồn cây xanh hỗ trợ của huyện và lồng ghép các nội dung trồng cây xanh bảo vệ môi trường trong các tiết sinh hoạt ngoại khoá, công tác đoàn đội nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm đối với cán bộ, giáo viên và học sinh trong việc trồng cây xanh bảo vệ môi trường.

- Ngày 18/10/2022 UBND xã ban hành Kế hoạch số 48/KH-UBND về việc Triển khai phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn có thành phần nguy hại phát sinh trong sinh

hoạt của hộ gia đình trên địa bàn xã. Chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, xử lý theo quy định đạt trên 70%.

**c. Đánh giá: Tiêu chí 17 – Môi trường: Đạt theo yêu cầu.**

### **5.18. Tiêu chí 18 – Chất lượng môi trường sống:**

#### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: Tỷ lệ đạt  $\geq 50\%$ .

- Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: Đạt  $\geq 60$  lít.

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững: Tỷ lệ đạt  $\geq 30\%$ .

- Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm: Tỷ lệ đạt 100%.

- Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã: Không

- Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm: Tỷ lệ đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch: Tỷ lệ đạt  $\geq 95\%$ .

- Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo về sinh môi trường: Tỷ lệ đạt 100%.

#### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Kết quả điều tra, cập nhật Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch nông thôn năm 2022 trên địa bàn xã Phước Quang cụ thể: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch đạt theo quy chuẩn: đạt tỷ lệ 100%, trong đó: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung: đạt tỷ lệ 53,8%, tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước nhỏ lẻ: đạt tỷ lệ 46,2%.

- Trên địa bàn xã Phước Quang có công trình cấp nước sạch tập trung đã được UBND huyện đầu tư sửa chữa, nâng cấp và mở mạng đường ống cung cấp nước sạch cho nhân dân sử dụng đảm bảo cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm:  $\geq 60$  lít.

- Trên địa bàn xã Phước Quang có công trình cấp nước sạch tập trung đã được UBND huyện đầu tư sửa chữa, nâng cấp và giao cho Đơn vị quản lý là Ban quản lý nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững.

- Tổng số cơ sở dịch vụ ăn uống trên địa bàn xã là 21/21 cơ sở được tập huấn về an toàn thực phẩm, đạt tỷ lệ 100%.

- Trong năm 2022, không có cơ sở thực phẩm nào bị xử phạt vi phạm hành chính và không có vụ ngộ độc thực phẩm tập thể trên địa bàn xã.

- Trên địa bàn xã có 01/01 cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018. Đạt 100%

- Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 03 sạch là 3.591/3.740 hộ, đạt 96,02%.

- Trên địa bàn xã không có bãi chôn lấp rác thải tập trung.

**c. Đánh giá: Tiêu chí 18 – Chất lượng môi trường sống: Đạt theo yêu cầu.**

### **5.19. Tiêu chí 19 – Quốc phòng và An ninh:**

#### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân: Chỉ tiêu đạt.

- Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả: Chỉ tiêu đạt.

#### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

**- Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân**

*\* Lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự địa phương*

a) Hàng năm và đột xuất, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân (UBND) và căn cứ Nghị quyết, Chỉ thị của cấp trên để ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương.

Hàng năm căn cứ Nghị quyết, Chỉ thị của cấp trên Đảng ủy, UBND xã đã ban hành văn bản lãnh đạo về nhiệm vụ quốc phòng quân sự của địa phương như:

- Nghị quyết số 04-NQ/ĐU, ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Đảng ủy xã Phước Quang về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ năm 2022;

- Quyết định số 01-QĐ/UBND-m, ngày 07 tháng 01 năm 2022 của UBND xã Phước Quang về việc Ban hành kế hoạch về nhiệm vụ quốc phòng, quân sự năm 2022.

b) Ủy ban nhân dân chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự xã:

Xây dựng kế hoạch xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân giai đoạn 2021-2025 và từng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt như:

- Hàng năm trên cơ sở nguồn kinh phí của trên Ban CHQS xã đã xây dựng kế hoạch xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân từng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chủ trì phối hợp với các ban, ngành tham mưu xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời các văn kiện, quy chế kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Tổ chức thực hiện tốt các quy chế, kế hoạch hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân với các lực lượng liên quan theo quy định tại Nghị định số 02/2020 NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định hoạt động phối hợp của dân quân tự vệ; Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

+ Điều chỉnh, bổ sung các văn kiện sẵn sàng chiến đấu kịp thời, đầy đủ.

+ Căn cứ Nghị định số 02/2020 NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định hoạt động phối hợp của dân quân tự vệ; Nghị định số 03/2019 NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

Đã phối hợp cùng Công an, kiểm lâm phụ trách địa bàn ban hành như:

- Quy chế số 01/QCPHLN-CA-QS-KL ngày 22/4/2022 về việc phối hợp giữa kiểm lâm phụ trách địa bàn với Ban CHQS xã, Công an xã, Địa chính-xây dựng xã trong thực hiện Nghị định số 02/2020 NĐ-CP

- Kế hoạch số 01/KHPH-CA-QS-KL ngày 22/4/2022 về việc phối hợp giữa kiểm lâm phụ trách địa bàn với Ban CHQS xã, Công an xã, Địa chính-xây dựng xã năm 2022 đã trình UBND xã ra Quyết định phê duyệt quy chế;

- Phối hợp cùng Công an ban hành Quy chế số 01/QCPH-CA-QS ngày 01/9/2020 về việc phối hợp giữa Ban CHQS xã, Công an xã trong thực hiện Nghị định số 03/2019 NĐ-CP và đã trình UBND xã ra Quyết định phê duyệt quy chế. Hằng năm được kiện toàn kế hoạch phối hợp theo quy định. Tổ chức thực hiện tốt các quy chế, kế hoạch hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân với các lực lượng liên quan theo quy định đạt hiệu quả bảo đảm ANCT-TTATXH; Nghị định số 03/2019 NĐ-CP ban hành quy chế phối hợp.

*\* Ban chỉ huy quân sự xã*

a) Có đủ 04 chức danh; đúng cơ cấu, thành phần: Đảm bảo theo quy định

b) Số lượng cán bộ Phó chỉ huy trưởng: Số lượng 01:

*(Quy định tại Điều 4 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020, Chính phủ quy định chi tiết một số số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách với dân quân tự vệ.*

c) Trình độ chuyên môn của Chỉ huy trưởng, Phó chỉ huy trưởng:

- Trình độ chuyên môn của Chỉ huy trưởng, Phó chỉ huy trưởng đã được đào tạo trung cấp ngành quân sự cơ sở và được đào tạo lớp Trung cấp chính trị.

- Hằng năm, được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 69/2020/TTBQP ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

d) Có trụ sở hoặc nơi làm việc riêng: có trang bị, thiết bị làm việc theo quy định của pháp luật.

Đã bảo đảm nhà làm việc riêng cho Ban chỉ huy quân sự xã; trang thiết bị bảo đảm theo Hướng dẫn số 116/HD-DQ ngày 16/02/2022 về hướng dẫn bố trí biên bản, giấy, giá của Ban CHQS cấp xã, đơn vị Dân quân tự vệ...

*\* Thực hiện công tác giáo dục quốc phòng an ninh*

- Thực hiện tốt công tác phổ biến kiến thức về quốc phòng và an ninh cho toàn dân; bồi dưỡng kiến thức về quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4; giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh theo quy định của pháp luật.

+ Đã triển khai công tác tuyên truyền GDQP-AN trên các phương tiện thông tin đại chúng có nhiều chuyển biến tích cực đài phát thanh tích cực tuyên truyền quốc phòng - an ninh, tăng thời lượng; chất lượng được nâng lên, có nhiều đổi mới về tổ chức, phương



pháp tuyên truyền, nội dung phong phú, phương pháp đa dạng, tạo sự hấp dẫn đối với các tầng lớp nhân dân; Công tác tuyên truyền còn được lồng ghép thông qua hoạt động nhân các ngày kỷ niệm của đất nước, địa phương; Thông qua hoạt động giáo dục, nâng cao nhận thức cho thế hệ trẻ về tình yêu quê hương, đất nước, biển đảo, trách nhiệm của thanh niên, trước nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

+ Bồi dưỡng kiến thức về quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4; giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh theo quy định của pháp luật.

- Hằng năm đã xây dựng kế hoạch đúng quy định như:

Kế hoạch số:01/KH-HĐGDQPAN ngày 20 tháng 3 năm 2022 của HĐGDQPAN xã về việc Giáo dục Quốc phòng - An ninh năm 2022; Thực hiện Kế hoạch số 02/KH-HĐGDQP-AN ngày 20/6/2022 của Hội đồng GDQP-AN xã Phước Quang về bồi dưỡng kiến thức QP-AN cho đối tượng 4 cấp xã năm 2022 đã được HĐGDQP-AN huyện phê duyệt ngày 23/6/2022.

Đã tham mưu tổ chức và thực hiện bồi dưỡng đạt trong năm: tham gia bồi dưỡng đối tượng 3: 01 đ/c; Tham mưu triệu tập đối tượng 4 cấp xã và tổ chức bồi dưỡng đối tượng 4 cấp xã 93 đ/c theo Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh ngày 19 tháng 6 năm 2013.

*\* Xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân:*

a) Tổ chức biên chế lực lượng dân quân có chất lượng tổng hợp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự của địa phương; Đăng ký, quản lý, bảo quản và sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật: Thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 và Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

- Công tác tổ chức luân phiên, kết nạp mới đúng quy định, tổng số biên chế 101 đ/c; DQCĐ 28 đ/c; DQBC: 18 đ/c; DQTC: 51 đ/c. Bảo đảm hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao; công tác bảo đảm quản lý vũ khí trang bị chặt chẽ, biên chế công cụ hỗ trợ hợp lý tử công cụ hỗ trợ bố trí theo quy định.

- Công tác huấn luyện hằng năm được tổ chức triển khai có hiệu quả; bảo đảm huấn luyện đầy đủ nội dung. Bảo đảm công tác chuẩn bị Giáo án, nội dung chương trình huấn luyện đảm bảo.

b) Có tổ chức chi bộ quân sự cấp xã, duy trì hoạt động nề nếp, hiệu quả theo đúng quy định của Ban Tổ chức Trung ương.

Đến nay Chi bộ quân sự xã có 23 đảng viên trong đó chính thức 16 đảng viên, 07 đảng viên dự bị.

c) Làm tốt công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân xã, nâng tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân lên trên 30% (theo Kết luận số 41-KL/TW ngày 31/3/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng); có 10/11 thôn đội trưởng là đảng viên, trung đội trưởng dân quân cơ động, tiểu đội trưởng dân quân cơ động, các tổ trưởng dân quân bình chủng đều là đảng viên. Năm 2022 đã tổ chức kết nạp đảng cho 07 đ/c lực lượng dân quân.

d) Hằng năm, được giáo dục chính trị - pháp luật, tập huấn, huấn luyện quân sự đủ nội dung, thời gian, chương trình theo quy định tại Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày

15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. ( Tổ chức huấn luyện bảo đảm nội dung chương trình, giáo án, bài giảng đảm bảo thời gian)

đ) Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định tại Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Đã xây dựng kế hoạch trực sẵn sàng chiến đấu thường xuyên; xây dựng kế hoạch trực các ngày lễ, tết, các ngày diễn ra sự kiện của đất nước, địa phương trình chủ tịch UBND xã phê duyệt; công tác phân ca trực đảm bảo;

e) Duy trì hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân xã với các lực lượng khác: Thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật. Đã phối hợp cùng Công an, kiểm lâm phụ trách địa bàn ban hành Quy chế số 01/QCPLN-CA-QS-KL ngày 22/04/2022 về việc phối hợp giữa kiểm lâm phụ trách địa bàn với Ban CHQS xã, Công an xã, ĐC-XD-NN-MT xã trong thực hiện Nghị định số 02/2020 NĐ-CP và kế hoạch số 01/KHPH-CA-QS-KL ngày 22/4/2022 về việc phối hợp giữa kiểm lâm phụ trách địa bàn với Ban CHQS xã, Công an xã, ĐC-XD-NN-MT xã năm 2022 đã trình UBND xã ra Quyết định phê duyệt quy chế; phối hợp cùng Công an ban hành Quy chế số 01/QCPH-CA-QS ngày 01/9/2020 về việc phối hợp giữa Ban CHQS xã, Công an xã trong thực hiện Nghị định số 03/2019 NĐ-CP và đã trình UBND xã ra phê duyệt quy chế. Hằng năm được kiện toàn kế hoạch phối hợp theo quy định. Tổ chức thực hiện tốt các quy chế, kế hoạch hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân với các lực lượng liên quan theo quy định đạt hiệu quả bảo đảm ANCT-TTATXH.; Nghị định số 03/2019 NĐ-CP ban hành quy chế phối hợp.

Hàng tháng, quý, năm tổ chức giao ban, sơ, tổng kết theo quy định.

g) Tổ chức lực lượng dân quân xã tham gia trong Đội xung kích phòng chống thiên tai ở cấp xã (tối thiểu 01 trung đội dân quân cơ động); tham gia diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ và diễn tập phòng thủ dân sự theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền; bảo đảm an toàn.

Hằng năm đều tham mưu UBND xã kiện toàn đội xung kích phòng chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn đảm bảo thực hiện nhiệm vụ: Quyết định số 1430/QĐ-UBND của UBND xã ngày 27/09/2022 về việc củng cố đội xung kích phòng chống thiên tai xã Phước Quang năm 2022.

h) Hằng năm, tổ chức thực hiện tốt trình tự, thủ tục đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân; xét duyệt, kết nạp dân quân mới và trao quyết định công nhận dân quân đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân xã theo quy định của pháp luật.

Hằng năm đều kiện toàn bổ sung công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện NVQS; đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân rộng rãi theo quy định;

Hằng năm đã tham mưu UBND xã ban hành Quyết định Hoàn thành Nghĩa vụ tham gia DQTV và Quyết định công nhận tham gia Nghĩa vụ tham gia DQTV( tổ chức xét duyệt đúng trình tự luân phiên đúng quy định)

*\* Xây dựng và quản lý lực lượng dự bị động viên*

Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị theo quy định của Luật Lực lượng dự bị động viên; sẵn sàng động viên khi có lệnh

của cấp có thẩm quyền.

Hàng năm công tác đăng ký, quản lý quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị được tiến hành chặt chẽ. Công tác huy động huấn luyện hàng năm bảo đảm theo quyết định giao chỉ tiêu của trên.(Có thống cơ quản lý: tiếp tục bổ sung hàng năm)

*\* Thực hiện công tác tuyển quân, tuyển sinh*

a) Đăng ký, quản lý công dân Nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự sẵn sàng nhập ngũ; hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, bảo đảm chất lượng, đúng pháp luật.

- Đã tổ chức Đăng ký, quản lý công dân Nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự sẵn sàng nhập ngũ đúng quy định.

- Hàng năm đều hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, bảo đảm chất lượng, đúng pháp luật

b) Thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự theo hướng dẫn hàng năm của Bộ Quốc phòng.( Đăng ký tại huyện ) Trong năm 2022 đã đăng ký tuyển sinh quân sự đối với 02 thanh niên và kết quả đều trúng tuyển vào trường đại học quân sự.

*\* Thực hiện chế độ, chính sách; giải quyết khiếu nại, tố cáo*

Thực hiện đúng chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân và lực lượng dự bị động viên, chính sách hậu phương quân đội theo quy định của pháp luật. Giải quyết tốt các vấn đề mới nảy sinh, không để xảy ra vụ việc khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác quân sự, quốc phòng ở địa phương. Thực hiện tốt, không có vấn đề khiếu nại tố cáo trên địa bàn

*\* Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng*

Thực hiện có hiệu quả việc kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, bảo đảm tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Quốc phòng và Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ.

*\* Công tác tuyên truyền, thi đua, khen thưởng*

a) Quán triệt và tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; nâng cao nhận thức, trách nhiệm về nhiệm vụ quốc phòng, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Cử thành viên tham gia trang facebook “Tôi yêu chiến sỹ sao vương” và “Yêu người chiến sỹ Dân quân tự vệ Việt Nam”; tham gia đấu tranh chống các thế lực thù địch trên không gian mạng. (có tổ chức triển khai, Đồng chí chỉ huy trưởng, phó chỉ huy trưởng tham gia trang facebook “Tôi yêu chiến sỹ sao vương” và “Yêu người chiến sỹ Dân quân tự vệ Việt Nam”)

b) Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng đối với lực lượng dân quân và lực lượng dự bị động viên./Tổ chức rà soát khen thưởng hàng năm về nhiệm vụ quốc phòng quân sự.)

**- Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả:**

\* **Nội dung 01:** Đạt các nội dung 1,2,3,5,7,8 điểm a khoản 1 của Hướng dẫn số 1759/HD-CAT-PV05, cụ thể:

*Hàng năm, Đảng ủy xã có nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo ANTT và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTO.*

- Hàng năm, Đảng ủy, UBND xã Phước Quang đều ban hành các văn bản chỉ đạo các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công tác bảo vệ ANQG, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn. Kết quả, tình hình ANQG được giữ vững, ổn định, không để xảy ra tình huống “đột xuất”, “bất ngờ”; tình hình trật tự an toàn xã hội được kiểm chế, không để xảy ra vụ việc phức tạp; phong trào toàn dân bảo vệ ANTO trên địa bàn hàng năm được duy trì và phát triển vững mạnh.

+ Nghị quyết số 02-NQ/ĐU ngày 02/02/2021 của Đảng ủy xã Phước Quang về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công tác Công an năm 2021.

+ Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND xã Phước Quang về đảm bảo an ninh trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2021.

+ Nghị quyết số 05-NQ/ĐU ngày 12/01/2022 của Đảng ủy xã Phước Quang về thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội năm 2022.

+ Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND xã Phước Quang về đảm bảo an ninh trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2022.

*Không để xảy ra các hoạt động theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều 4 Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.*

*Trong đó, quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều 4 Thông tư số 124 như sau:*

*a) Hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc;*

*b) Hoạt động phá hoại các mục tiêu, công trình trọng điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng;*

*c) Tuyên truyền, phát triển tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật;*

*d) Hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, tranh chấp, khiếu kiện gây phức tạp về an ninh, trật tự;*

*đ) Hoạt động ly khai, đòi tự trị.*

Công an xã thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp Nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tham gia phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Hiện tại, trên địa bàn xã Phước Quang không xảy ra các hoạt động phá hoại mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng; không để xảy ra các hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân; không để xảy ra các hoạt động tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật, gây rối an ninh, trật tự.

*Không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật:*

+ *Không để tập trung đông người khiếu nại, tố cáo vụ việc đã được cơ quan chức năng giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.*

+ *Không để xảy ra những hoạt động như: Kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo nhiều người cùng đến cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp hoặc cá nhân để đưa đơn, thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết một hoặc nhiều vấn đề về quyền lợi bị vi phạm hoặc có liên quan đến việc thực thi chính sách, pháp luật để gây rối an ninh, trật tự công cộng hoặc lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước; xâm phạm lợi ích của Nhà nước; xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm được phân công giải quyết khiếu nại, tố cáo.*

Công an xã tăng cường công tác nắm tình hình, tham mưu cấp ủy, chính quyền xã kịp thời phát hiện và giải quyết dứt điểm các mâu thuẫn trong nội bộ Nhân dân, mâu thuẫn giữa Nhân dân với chính quyền không để xảy ra tranh chấp, khiếu kiện đông người kéo dài, vượt cấp trái pháp luật, không để nảy sinh phức tạp hình thành “điểm nóng” gây ảnh hưởng đến ANTT.

*Số vụ phạm tội về trật tự xã hội giảm ít nhất 05% so với năm trước; tệ nạn xã hội; tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước (trừ trường hợp bất khả kháng).*

- Trong năm, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đảng ủy, UBND xã, lãnh đạo Công an huyện, Công an xã đã tập trung triển khai đồng bộ các biện pháp từ phòng ngừa nghiệp vụ, phòng ngừa xã hội đến đấu tranh mạnh mẽ, quyết liệt với các loại tội phạm, từ đó số vụ phạm tội về trật tự xã hội, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật trên địa bàn xã cơ bản được kiểm chế. Cụ thể:

+ Về phạm pháp hình sự: Xảy ra 02 vụ, gồm 01 vụ “Cố ý gây thương tích”, 01 vụ “Trộm cắp tài sản”. So với cùng kỳ năm 2019 (xảy ra 03 vụ, gồm: 02 vụ “Trộm cắp tài sản”; 01 vụ “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”), giảm 01 vụ (giảm 33,33%).

+ Về tệ nạn xã hội: Xảy ra 03 vụ, gồm: 02 vụ Đánh bạc - 10 đối tượng; 01 vụ Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy - 07 đối tượng. So với cùng kỳ năm 2019 (xảy ra 04 vụ Đánh bạc), giảm 01 vụ (giảm 25%).

+ Về tai nạn giao thông: Công an xã thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về lĩnh vực TTATGT, các lỗi là nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông cho mọi người dân biết. Tuy nhiên tình hình tai nạn giao thông trên địa bàn xã vẫn diễn biến khó lường, một bộ phận người tham gia giao thông chưa có ý thức chấp hành nghiêm Luật giao thông đường bộ dẫn đến vi phạm, gây tai nạn giao thông, gây thiệt hại đến tính mạng và tài sản. Trong năm, xảy ra 01 vụ, chết 01 người (*công dân ở địa phương khác gây tai nạn*). So với cùng kỳ năm 2019, tăng 01 vụ, 01 người chết.

+ Về tình hình cháy, nổ: Không xảy ra. So với cùng kỳ năm 2019, không tăng, không giảm.

*Không thuộc danh sách xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự (trừ các xã có đường biên giới quốc gia đất liền, xã đảo).*

Căn cứ Quyết định số 7901/QĐ-UBND, ngày 15/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước về việc công nhận xã, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” và phân loại phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn huyện năm 2022, xã Phước Quang được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”, do đó không thuộc diện xã phức tạp về an ninh, trật tự.

*Tập thể Công an xã đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” trở lên (đối với những nơi đủ điều kiện để bình xét danh hiệu thi đua), không có cán bộ, chiến sĩ vi phạm bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được đánh giá **hoàn thành nhiệm vụ trở lên**, không có cá nhân vi phạm pháp luật.*

- Ngày 22/10/2022, Công an huyện tổ chức Hội nghị “Tổng kết phong trào thi đua vì ANTT” năm 2022 qua đó đánh giá kết quả thực hiện của Công an các xã, thị trấn và tập thể tham dự Hội nghị đã tiến hành suy tôn các danh hiệu thi đua “Vì ANTT” năm 2022. Kết quả, tập thể Công an xã Phước Quang được suy tôn đề nghị danh hiệu “Đơn vị Tiên tiến”. Đồng thời, trong năm CBCS Công an xã đều hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, không có đồng chí nào vi phạm dẫn đến bị xử lý kỷ luật.

- Ngày 03/11/2022, Ủy ban nhân dân xã Phước Quang ban hành Công văn số 248/UBND-CA về việc nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của lực lượng Công an viên thôn năm 2022 tại thời điểm thẩm định nông thôn mới nâng cao đều đảm bảo điều kiện phân loại hoàn thành nhiệm vụ.

**Nội dung 02:** Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội từ nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ Công an (trừ trường hợp bất khả kháng).

Lực lượng Công an xã chủ động phối hợp với các ban, ngành, hội đoàn thể tổ chức tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và đổi mới nội dung, hình thức phù hợp với tình hình, đặc điểm địa phương. Thường xuyên vận động quần chúng nhân dân nâng cao ý thức tự giác tham gia phòng ngừa, đấu tranh phát hiện, tố giác tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật. Tiến hành gọi hỏi, răn đe, tuyên truyền cá biệt các đối tượng là thanh thiếu niên có biểu hiện vi phạm pháp luật. Qua đó, ý thức chấp hành pháp luật của quần chúng nhân dân trên địa bàn xã nhìn chung có chuyển biến tích cực, thể hiện qua số vụ vi phạm pháp luật trên địa bàn được kéo giảm so với cùng kỳ năm 2019. Trong năm không có công dân cư trú trên địa bàn xã phạm tội từ nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ Công an.

**Nội dung 03:** Có một trong các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và có mô hình có sử dụng camera phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự gắn với phong trào toàn dân bảo vệ ANTT hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

Đến nay, trên địa bàn xã đang duy trì hoạt động 05 mô hình tự quản về ANTT, gồm:

+ Mô hình “Trường THCS Phước Quang không có tội phạm và tệ nạn xã hội” xây dựng tháng 3/2016.

+ Mô hình “Tiếng mõ an ninh” tại Đội 4B, thôn Lộc Ngãi, xã Phước Quang xây dựng tháng 5/2019.

+ Mô hình “*Trường THPT số 2 Tuy Phước không tội phạm và tệ nạn xã hội*” xây dựng tháng 9/2019.

+ Mô hình “*Móc khóa an ninh*” tại khu dân cư 03 xóm Quang Trung, Quang Thành, Quang Đông thuộc thôn Văn Quang, xã Phước Quang xây dựng tháng 3/2022.

+ Mô hình “*Camera an ninh*” xã Phước Quang: được công nhận và đi vào hoạt động từ tháng 02/2020 với tổng cộng 32 mắt camera tại 12 điểm trên các nút giao thông huyết mạch, phức tạp về ANTT trên địa bàn xã. Từ khi đi vào hoạt động đến nay, mô hình “*Camera an ninh*” đã giúp Công an xã trích xuất, phát hiện, xử lý các vụ việc về TTATXH; các vụ tai nạn giao thông xảy ra trên địa bàn xã chưa xác định rõ nguyên nhân,... Qua đó góp phần giúp lực lượng Công an xử lý chính xác, nhanh chóng, truy bắt các đối tượng vi phạm, thu hồi tài sản trao trả cho Nhân dân. Bên cạnh đó, Ban điều hành mô hình “*Camera an ninh*” thường xuyên tuyên truyền các hộ dân trên địa bàn tự đầu tư, lắp đặt hệ thống “*Camera an ninh*” hộ gia đình nhằm nâng cao hiệu quả công tác “*tự phòng, tự quản, tự bảo vệ*”.

**c. Đánh giá: Tiêu chí 19 – Quốc phòng và An ninh: Đạt theo yêu cầu.**

## **6. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao đối với xã Phước Quang**

- Tổng giá trị khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu của các dự án trên địa bàn xã từ năm 20218 đến hết ngày 31/12/2022 là: 105.885.618.000 đồng.

- Đến ngày 31/12/2022 các công trình xây dựng của xã đã thanh toán là 105.885.618.000 đồng. Như vậy, đến ngày 31/12/2022, Ủy ban nhân dân xã Phước Quang không có nợ đọng xây dựng cơ bản.

## **7. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

a) Về phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã:

Tập trung hoàn thành các loại công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: Cứng hóa, bê tông xi măng đường giao thông nội đồng; mở rộng, nâng cấp các tuyến giao thông liên thôn, trường học, cơ sở vật chất văn hóa nhằm tạo sự đột phá trong phát triển kinh tế và diện mạo khu vực nông thôn.

b) Về phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân:

- Căn cứ các quy hoạch, đề án do huyện phê duyệt, UBND xã tiến hành bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch xây dựng xã NTM đảm bảo tính khả thi cao và phù hợp với yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Tập trung đầu tư cho chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, ưu tiên cho các sản phẩm chủ lực phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng lớn trong nước, coi đây là khâu đột phá trong sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn.

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thực tế sử dụng lao động của doanh nghiệp và địa phương. Chú trọng đào tạo nghề theo các dự án, mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả trên địa bàn và thông qua các doanh nghiệp có hợp đồng liên kết với nông dân. Khuyến khích hỗ trợ các doanh nghiệp đào tạo nghề gắn với sử dụng lao động tại doanh nghiệp ở địa bàn nông thôn.

- Tập trung phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả để hỗ trợ cho nông dân. Chú trọng xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động hiệu quả; mô hình liên kết giữa nông hộ với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác.

c) Về bảo vệ môi trường nông thôn: Tập trung giải quyết vấn đề thu gom xử lý rác thải sinh hoạt, xử lý môi trường trong sản xuất (thuốc bảo vệ thực vật, nước thải chăn nuôi, nước thải làng nghề, khu – cụm công nghiệp...) và xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn “xanh - sạch - đẹp”.

d) Về xây dựng đời sống văn hóa nông thôn: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa, thể thao thiết thực đối với người dân, tạo điều kiện để phát triển các hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn xã.

đ) Giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn: Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng khu dân cư đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”. Xây dựng và nhân rộng mô hình tự quản bảo vệ an ninh trật tự ở xã, thôn.

e) Nâng cao hiệu quả thông tin, tuyên truyền, đào tạo đội ngũ cán bộ và tăng cường năng lực đánh giá, giám sát thực hiện Chương trình:

- Tiếp tục tăng cường tuyên truyền, tập huấn để nâng cao nhận thức cho người dân về nội dung, phương pháp, cách làm NTM nâng cao.

- Đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức, năng lực tổ chức, quản lý thực hiện cho cán bộ, trước hết là đội ngũ cán bộ chuyên trách NTM nâng cao ở xã và cán bộ ở thôn.

## II. KẾT LUẬN

### 1. Về hồ sơ

Hồ sơ nông thôn mới nâng cao của xã Phước Quang đã lập đầy đủ các thủ tục hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

### 2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đối với xã Phước Quang

Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Phước Quang đã được các ngành của UBND huyện Tuy Phước thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

*(Kèm theo biểu tổng hợp kết quả thẩm tra 19 tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã Phước Quang)*

### 3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao đối với xã Phước Quang

- Tổng kinh phí đã huy động thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao từ năm 2018 đến 2022 trên địa bàn xã là: **105.885,618 ngàn đồng**.

- Tổng giá trị khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu của các dự án đến hết ngày 31/12/2022 là: **105.885,618 ngàn đồng**, bao gồm:

+ Ngân sách Trung ương hỗ trợ là: 7.929.600 ngàn đồng, đạt tỷ lệ: 7,6%.

+ Ngân sách tỉnh hỗ trợ là: 9.664.716 ngàn đồng, đạt tỷ lệ: 9,3%.



- + Ngân sách huyện hỗ trợ là: 16.549.378 ngàn đồng, đạt tỷ lệ: 15,7%.
- + Ngân sách xã cân đối là: 68.140.324 ngàn đồng, đạt tỷ lệ: 64,5%.
- + Các nguồn vốn hợp pháp khác là: 3.061.600 ngàn đồng, đạt tỷ lệ: 2,9%.

- Như vậy, đến ngày 31/12/2022, Ủy ban nhân dân xã Phước Quang không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới nâng cao.

### **III. KIẾN NGHỊ**

UBND huyện Tuy Phước kính đề nghị UBND tỉnh Bình Định và các sở, ngành của tỉnh quan tâm, xem xét tổ chức thẩm định kết quả thực hiện 19 tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Phước Quang, để xét và công nhận xã Phước Quang đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao trong năm 2022./.

#### ***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở NN & PTNT tỉnh;
- VPĐP XD NTM tỉnh;
- TT. Huyện ủy, HĐND huyện (báo cáo);
- CT, các PCT UBND huyện;
- VPĐP XD NTM huyện;
- UBND xã Phước Quang;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Nam**

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM 2022**  
**đối với xã Phước Quang, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023  
của UBND huyện Tuy Phước)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
<b>I. QUY HOẠCH</b>					
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Có	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Có	Đạt
<b>II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI</b>					
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện	100%	2,070/2,070km đạt 100%	Đạt
		2.2. Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện	100%	19,727/19,727 km đạt 100%	Đạt
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện	100% (trong đó, 70% được cứng hóa bằng bê tông xi măng hoặc nhựa hóa)	100% (76,56% bằng bê tông)	Đạt
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện	≥ 70% được cứng hóa bằng bê tông xi măng hoặc nhựa hóa	8,492/9,28 km đạt 91,51%	Đạt
3	Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt	100%	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ		Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn		Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn		≥98%	100%	Đạt
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định	Các xã có hơn 3 trường	100% đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó ≥70% đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1	100%	(4/4) Đạt
			Các xã có từ 3 trường trở xuống	100% đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó ≥50% đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1		
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã		Đạt	Có	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định		Đạt	Có	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, làng có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng		100%	(11/11 thôn) 100%	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa		Đạt	Chợ Văn Quang là chợ Trung tâm của xã đã được đầu tư XD đạt theo quy định	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính		Đạt	Có	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet		Đạt	Có	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn		Đạt	Có	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt	Có	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Đạt
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	≥80%	3.691/3.740 nhà đạt tỷ lệ 98,69%	Đạt
<b>III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT</b>					
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người) năm 2022	≥44	52,8	Đạt
		Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	Theo công bố của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2,51%	Đạt
		12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥75%	82,10% (7.815/9.519 lao động)	Đạt
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥25%	31,14% (2.964/9.519)	Đạt
		13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã	Đạt	Có	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Có	Đạt
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Đạt	Đạt	Đạt
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt	Đạt
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Đạt	Có	Đạt
<b>IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG</b>					
		14.1. Phổ cập	Đạt chuẩn	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện	
14	Giáo dục và Đào tạo	giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ	phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi			
			Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2	Đạt	Mức độ 3	Đạt
			Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	≥98%	100% (164/164 em)	Đạt
			Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2	Đạt	Mức độ 3	Đạt
			Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	Đạt	Mức độ 2	Đạt
			Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại	Khá	Tốt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	≥85%	93,10% (189/203em)	Đạt	
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥90%	95,71% (12.069/12.610 )	≥90%	
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤22%	10,19% (96/942 trẻ)	≤22%	
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	≥50%	83,02% (10.469/ 12.610 người)	≥50%	
16	Văn hoá	Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	Đạt	100% (11/11 thôn)	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	≥45% (≥25% từ hệ thống cấp nước tập trung)	100% (53,8% từ hệ thống cấp nước tập trung)	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	≥95%	Đạt	Đạt
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt	Đạt	Đạt
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥2 m <sup>2</sup> /người	Đạt	Đạt
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥75%	86,2%	Đạt
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	Đạt	Đạt
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥85%	96,02%	Đạt
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥75%	90%	Đạt
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Đạt	Đạt
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥30%	86,2%	Đạt
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥50%	62,91%	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
<b>V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ</b>					
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	100%	Đạt
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn	Đạt	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN NĂM 2022  
đối với xã Phước Quang, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023  
của UBND huyện Tuy Phước)*

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Có	Đạt	
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt	Có	Đạt	
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt	Có	Đạt	
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định	100% và đường đạt tối thiểu đường cấp VI theo TCVN 4054:2005 (trong đó, mặt đường được nhựa hóa hoặc bê tông hóa)	7,38/8,023 km đạt tỷ lệ 91,99%.	Đạt	
		2.2. Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn	Được cứng hóa và bảo trì hàng năm	100%	100%	Đạt
			Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	≥70%	83,3%	Đạt
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	≥90%	100%	Đạt	
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội	≥90% (trong đó, mặt đường được cứng hóa bằng	91,51% (8,492 km/9,28 km)	Đạt	



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
		đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	bê tông xi măng hoặc nhựa hóa) và đạt đường loại B hoặc loại C		
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥90%	100%	Đạt
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt	Đạt	Đạt
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	≥5%	18,1%	Đạt
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt	Đạt	Đạt
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	Có	Đạt
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	Đạt	Đạt
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	≥99%	100%	Đạt
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	100%	Đạt
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Đạt	Đạt
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	Mức độ 3	Đạt
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	Mức độ 2	Đạt
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá	Tốt	Đạt
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt	Có	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt	Có	Đạt
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, làng đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	Đạt	Đạt 100% (11/11 thôn)	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Chợ Văn Quang là chợ trung tâm của xã đã được đầu tư XD theo quy định	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	Có	Đạt
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	$\geq 80\%$	81,88% (7.794/9.519 lao động độ tuổi)	Đạt
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt	Có	Đạt
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM	Đạt	Có	Đạt
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	Đạt	Có	Đạt
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	$\geq 85\%$	3.691/3.740 nhà đạt tỷ lệ 98,69%	Đạt
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người) Năm 2022	$\geq 52$	52,8	Đạt
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	$< 3\%$	2,51	Đạt
12		12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 80\%$	87,37% (8.317/9.519 lao động)	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
	Lao động	12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 30\%$	31,14% (2.964/9.519 LD)	Đạt
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	$\geq 19\%$	Nông nghiệp chiếm 41,21%	Đạt
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	$\geq 1$	1	Đạt
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	$\geq 1$	1	Đạt
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	$\geq 1$	1	Đạt
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	Khuyến khích	Khuyến khích	Đạt
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	$\geq 10\%$	Đạt	Đạt
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Khuyến khích	Khuyến khích	Đạt
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	Đạt	Đạt
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	Đạt	Đạt	Đạt
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 95\%$	95,71% (12.069/12.610)	Đạt
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	100%	Đạt
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 40\%$	tỷ lệ 40,62% 5.123/12.610	Đạt
		14.4. Tỷ lệ dân số có số khám chữa bệnh điện tử	$\geq 70\%$	83,07% (10.469/ 12.602 người)	Đạt
15	Hành chính	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	Có	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
	công	15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Có	Đạt
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	Đạt	Đạt
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	$\geq 1$	03 mô hình	Đạt
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	$\geq 90\%$	7/7 vụ đạt tỷ lệ 100%.	Đạt
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	$\geq 90\%$	Không người dân thuộc có đối tượng trợ giúp pháp lý	Đạt
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	100%	Đạt
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 85\%$	86,2%	Đạt
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	$\geq 40\%$	77,73%	Đạt
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 50\%$	57,2%	Đạt
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	100%	Đạt
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	$\geq 80\%$	90%	Đạt
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 90\%$	90%	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	$\geq 5\%$	8%	Đạt
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 4\text{m}^2/\text{người}$	Đạt	Đạt
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 70\%$	70%%	Đạt
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 50\%$	53,8%	Đạt
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	$\geq 60$ lít	60 lít	Đạt
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 30\%$	Đạt	Đạt
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%	Đạt	Đạt
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	Không	Đạt
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	$\geq 100\%$	100%	Đạt
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	$\geq 95\%$	96,02%	Đạt
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt

